

kàn kàn
看看

yùn dòng yùn dòng
运动 运动

dǎ gè diàn huà
打个电话

bìng
病

děng děng
等等

Wàibian tiānqì hěn hǎo, wǒ xiǎng zhǎo péngyou
外边 天气 很 好, 我 想 找 朋友

chūqu _____ péngyou ràng wǒ _____ tā,
出去 _____, 朋友 让 我 _____ 他,

shuō Wáng lǎoshī ràng tā gěi Dàwèi _____。
说 王 老师 让 他 给 大卫 _____。

Tīngshuō Dàwèi _____ le, tā xiǎng qù _____ Dàwèi.
听说 大卫 _____ 了, 他 想 去 _____ 大卫。